

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 28/8/2024
Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Quang
- Ông Trần Hữu Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-DS, ngày 17/5/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐST-DS, ngày 29/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-DS, ngày 13/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A); địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc A. (Vắng mặt).

Bên được ủy quyền: Ngân hàng N, chi nhánh huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Huy T, chức vụ: Giám đốc A; địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

Người nhận ủy quyền lại: Ông Phạm Trọng T1; Chức vụ: Giám đốc phòng G, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Theo văn bản ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N; Giấy ủy quyền số 36/NHNo.SD-GUQ ngày

22/02/2024 Ngân hàng N, chi nhánh huyện S. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Trần Tiến Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy T và người nhận ủy quyền lại của nguyên đơn ông Phạm Trọng T1 trình bày:

Ngày 07/3/2011 ông Trần Tiến Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 812/HĐTD với A chi nhánh huyện S – Phòng giao dịch K, nội dung vay tiền để phục vụ mục đích mua xe máy.

- Số tiền vay: 50.000.000 đồng.
- Ngày nhận tiền vay: 07/3/2011; thời hạn vay 12 tháng.
- Lãi suất tiền vay là 19%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn.
- Dư nợ gốc đến ngày 21/02/2024 là 50.000.000 đồng.

Khi khoản vay đến hạn trả nợ, A đã nhiều lần gửi văn bản cũng như trực tiếp đến đơn đốc và yêu cầu ông Trần Tiến Đ về việc trả nợ gốc và lãi. Đến ngày 21/9/2011 ông Trần Tiến Đ trả nợ lãi cho A số tiền 5.399.305 đồng. Dư nợ gốc hiện tại 50.000.000 đồng. Agriank đã nhiều lần có văn bản yêu cầu ông Trần Tiến Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD. Tuy nhiên tính đến nay, ông Trần Tiến Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho A.

Nay, A đề nghị Tòa án:

- Tuyên buộc ông Trần Tiến Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến ngày xét xử ngày 28/8/2024 là **256.543.503 đồng**; Trong đó: dư nợ gốc là **50.000.000 đồng**; số tiền lãi và lãi phạt quá hạn tạm tính là **206.543.503 đồng**;

- Tuyên buộc ông Trần Tiến Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Trần Tiến Đ trả hết nợ gốc cho A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Trần Tiến Đ đến Tòa án làm việc; thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Đ không có mặt. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú chính quyền địa phương cung cấp ông Trần Tiến Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã Q, huyện S. Hiện nay ông Đ thường xuyên vắng mặt tại địa phương, chỉ thi thoảng mới về thăm gia đình. Khi đi không thông báo cho địa phương nên không nắm được hiện nay ông Đ ở đâu.

Qua xác minh thân nhân của ông **Trần Tiến Đ** có cung cấp: ông **Đ** hiện nay không có mặt tại địa phương, chỉ thi thoảng mới về nhà. Ông **Đ** đi đâu làm gì gia đình không biết. Tòa án có gửi các văn bản tố tụng cho ông **Đ**, gia đình đều thông báo cho ông **Đ** biết. Ông **Đ** có thông tin lại không về làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Việc chấp hành của người tham gia pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát thấy hợp đồng tín dụng là những hợp đồng tự nguyện hợp pháp, có sự xác nhận của các bên đương sự và kết luận giám định chữ ký, chữ viết. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N**.

Buộc ông **Trần Tiến Đ** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N** số tiền 256.543.503 đồng; Trong đó: dư nợ gốc là 50.000.000 đồng; số tiền lãi tạm tính là 206.543.503 đồng và phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD ngày 07/3/2011, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông **Trần Tiến Đ** trả hết nợ gốc cho **Ngân hàng**.

Ông **Trần Tiến Đ** phải hoàn trả cho **Ngân hàng N**, chi nhánh huyện **S** chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Về án phí: **Ngân hàng N**, chi nhánh huyện **S** không phải chịu án phí. Ông **Trần Tiến Đ** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng N, chi nhánh huyện **S** khởi kiện ông **Trần Tiến Đ** theo Hợp đồng tín dụng số: 821/HĐTD ngày 07/3/2011. Xét mục đích vay vốn của ông **Trần Tiến Đ** là phục vụ mua xe máy, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương theo quy định Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngân hàng N, chi nhánh huyện S đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn ông Trần Tiến Đ được ghi trong Hợp đồng tín dụng số: 821/HĐTD ngày 07/3/2011. Ông Trần Tiến Đ vẫn đang cư trú tại địa chỉ thôn S, xã Q, huyện S. Căn cứ theo địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong Hợp đồng tín dụng thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Tiến Đ đã được tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Tiến Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại kết luận giám định số 946/GĐ-KTHS ngày 25/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh T xác định:

Chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Tiến Đ dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B trên mẫu giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Tiến Đ dưới mục “NGƯỜI KHAI KÝ TÊN” trên mẫu giám định ký hiệu B1, B2 là do cùng một người ký và viết.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ông Trần Tiến Đ, địa chỉ thôn S, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có vay Ngân hàng N, chi nhánh huyện S số tiền gốc là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD ngày 07/3/2011, ngày nhận tiền vay: 07/3/2011; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất tiền vay là 19%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay trong hạn.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD ngày 07/3/2011 số tiền vay 50.000.000 giữa Ngân hàng N, chi nhánh huyện S với ông Trần Tiến Đ được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông Trần Tiến Đ đã thực hiện việc nhận tiền vào ngày ký kết hợp đồng, ngày 07/3/2011. Ngân hàng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi khoản vay đến hạn trả nợ (ngày 07/3/2012) Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản cũng như trực tiếp đôn đốc và yêu cầu ông Đ cam kết về việc trả nợ gốc và lãi. Ngày 21/9/2011 ông Đ đã trả nợ lãi cho Ngân hàng số tiền 5.399.305 đồng. Sau đó Ngân hàng đã lập rất nhiều biên bản làm việc xử lý nợ quá hạn, giấy báo nợ quá hạn và thông báo chuyển nợ quá hạn. Do ông Trần Tiến Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý thu hồi nợ là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Xét yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Về trả nợ gốc: Ông Trần Tiến Đ chưa trả được số nợ gốc nào của số tiền vay là 50.000.000 đồng.

Về trả lãi: Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD ngày 07/3/2011 thể hiện lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm; phương thức trả lãi tiền vay theo định kỳ hàng tháng /1 lần.

Trường hợp lãi suất cơ bản do Thống đốc NHNN quy định có thay đổi. Bên A sẽ thỏa thuận lại với bên B để điều chỉnh lãi suất vay phù hợp với quy định của Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Lãi suất nợ quá hạn: Khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu bên B không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại nợ gốc và/hoặc lãi thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Như vậy, lãi suất trên là phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng. Đồng thời, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xét bảng kê tính lãi đến ngày 28/8/2024 phù hợp với số tiền giao dịch tiền vay và kỳ hạn trả nợ đính kèm Hợp đồng tín dụng nên có căn cứ xác định. Tính đến hết ngày 28/8/2024, ông Trần Tiến Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Lãi suất	Số tiền gốc	Số tiền lãi	Số tiền đã nộp	Số tiền phải nộp
07/3/2011	22/3/2011	16	19.000%	50,000,000	416,438	5,399,305	
22/3/2011	19/5/2011	58	20.500%	50,000,000	1,628,767	0	
19/5/2011	02/8/2011	75	21.000%	50,000,000	2,157,534	0	
02/8/2011	7/3/2012	218	21.500%	50,000,000	6,420,548	0	
07/3/2012	28/8/2024	4557	32.250%	50,000,000	201,319,521	0	
					211,942,808	5,399,305	206,543,503
					Gốc:		50,000,000
					Tổng		256,543,503

(Bảng chữ: Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn năm trăm linh ba đồng).

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, chi nhánh huyện S, buộc ông Trần Tiến Đ phải trả các khoản tiền:

Nợ gốc: 50.000.000 đồng; các loại tiền lãi phải trả: 206.543.503 đồng. Tổng cộng: 256.543.503 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm linh ba đồng)

[5] Về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo:

- Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông **Trần Tiến Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chi phí giám định chữ ký, chữ viết.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N**.

1. Buộc ông **Trần Tiến Đ** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N** tổng số tiền 256.543.503 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm linh ba đồng), trong đó nợ gốc: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); các loại tiền lãi: 206.543.503 đồng (Hai trăm linh sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm linh ba đồng) và chi phí giám định 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 260.413.503 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm linh ba đồng).

Ông **Trần Tiến Đ** phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 821/HĐTD ngày 07/3/2011, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông **Trần Tiến Đ** trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Ngân hàng N, chi nhánh huyện **S** không phải chịu án phí. Trả lại cho **Ngân hàng N**, chi nhánh huyện **S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.545.000 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001313 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Ông **Trần Tiến Đ** phải nộp 12.827.175 đồng (Mười hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Tuấn Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Văn Vân – Ma Quốc Thê

Lê Tuấn Linh

